

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Hướng dẫn du lịch
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 09/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Đoàn Thị Ngọc	Yến	CĐHD16N07	3.5	Ba năm	
2	002	Trần Hải Trường	Sơn	CĐHD16N09	5.5	Năm năm	
3	003	Nguyễn Triệu Vương	Lan	CĐHD16N12	4.0	Bốn không	
4	004	Trần Trung	Hòa	CĐHD16N13	6.0	Sáu không	
5	005	Bùi Hữu	Nghĩa	CĐHD16N15	7.0	Bảy không	
6	006	Phùng Thị Kiều	Diễm	CĐHD17N03	0.0	Không không	
7	007	Lê Thị Ngọc	Trinh	CĐHD17N03	5.0	Năm không	
8	008	Võ Thanh	Vũ	CĐHD17N04	5.0	Năm không	
9	009	Huỳnh Thái Hồng	Hân	CĐHD17N07	6.0	Sáu không	
10	010	Nguyễn Tấn	Sang	CĐHD17N07	5.5	Năm năm	
11	011	Lê Thị	Thanh	CĐHD17N08	6.0	Sáu không	
12	012	Phạm Gia	Hân	CĐHD18N01	7.0	Bảy không	
13	013	Nguyễn Thị Như	Huyền	CĐHD18N02	5.5	Năm năm	
14	014	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	CĐHD18N04	5.0	Năm không	
15	015	Bàn Thị	Thu	CĐHD18N04	5.0	Năm không	
16	016	Phan Tấn	Việt	CĐHD18N06	5.5	Năm năm	
17	017	Hồ Đình	Văn	CĐHD18N08	3.0	Ba không	
18	018	Bùi Ngọc	Anh	CĐHD18N09	5.0	Năm không	
19	019	Nguyễn Thị Tuyết	Chân	CĐHD18N09	6.0	Sáu không	
20	020	Ninh Tuyết	Đình	CĐHD18N09	7.0	Bảy không	
21	021	Cao Cẩm	Ly	CĐHD18N09	6.5	Sáu năm	
22	022	Trần Thị Minh	Thi	CĐHD18N09	5.0	Năm không	
23	023	Nguyễn Minh	Tiến	CĐHD18N09	5.5	Năm năm	
24	024	Trần Tú	Trinh	CĐHD18N09	6.5	Sáu năm	
25	025	Đào Thị	Tuyết	CĐHD18N10	5.5	Năm năm	
26	026	Lê Hoài	Diễm	CĐHD18N11	6.5	Sáu năm	
27	027	Lâm Thị Thuỳ	Dương	CĐHD18N11	5.5	Năm năm	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
28	028	Nguyễn Thị Trà	Mi	CĐHD18N11	6.5	Sáu năm	
29	029	Phan Văn	Phú	CĐHD18N11	6.0	Sáu không	
30	030	Huỳnh Hạ	Vi	CĐHD18N11	7.5	Bảy năm	
31	031	Dương Bảo	Hoà	CĐHD18N12	5.0	Năm không	
32	032	Võ Thị Thanh	Ngân	CĐHD18N12	7.0	Bảy không	
33	033	Trần Minh	Nhật	CĐHD18N12	6.0	Sáu không	
34	034	Phạm Phương	Quyên	CĐHD18N12	6.5	Sáu năm	
35	035	Trần Thị Kim	Thái	CĐHD18N12	7.0	Bảy không	
36	036	Nguyễn Thị Kim	Thủy	CĐHD18N12	5.0	Năm không	
37	037	Đỗ Mỹ Phương	Vy	CĐHD18N12	6.5	Sáu năm	
38	038	Trần Minh	Khôi	CĐHD18N13	6.5	Sáu năm	
39	039	Đỗ Thị Kiều	My	CĐHD18N13	5.5	Năm năm	
40	040	Nguyễn Thị Kim	Hương	CĐHD18N13	5.0	Năm không	
41	041	Lê Thị Thu	Thảo	CĐHD18N13	5.0	Năm không	
42	042	Lê Nguyên	Khang	CĐHD16N05	5.0	Năm không	
43	043	Huỳnh Văn	Cường	CĐHD16N07	5.0	Năm không	
44	044	Huỳnh Thị Huyền	Trân	CĐHD16N08	5.0	Năm không	
45	045	Giêng Minh	Lộc	CĐHD16N15	0.0	Không không	
46	046	Huỳnh Ngọc Thu	Ngân	CĐHD17N02	6.5	Sáu năm	
47	047	Trần Đại	Hưng	CĐHD17N03	5.0	Năm không	
48	048	Từ Thị Bích	Ngân	CĐHD17N03	5.0	Năm không	
49	049	Lê Văn	Bi	CĐHD17N05	5.0	Năm không	
50	050	Hồ Hữu	Phước	CĐHD17N05	5.0	Năm không	
51	051	Đặng Thị Cẩm	Thạch	CĐHD18N03	5.0	Năm không	
52	052	Nông Thị Hương	Lan	CĐHD18N04	4.0	Bốn không	
53	053	Hà Xuân	Hương	CĐHD18N04	6.5	Sáu năm	
54	054	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CĐHD18N05	4.0	Bốn không	
55	055	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CĐHD18N05	4.0	Bốn không	
56	056	Huỳnh Ngọc	Loan	CĐHD18N05	5.5	Năm năm	
57	057	Trương Hải	Hà	CĐHD18N11	5.5	Năm năm	
58	058	Nguyễn Văn	Muôn	CĐHD18N11	6.0	Sáu không	